

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày 28 – 3 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng U, sinh năm 1961. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966. Cư trú tại: Khóm Y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Quách Tuyết V, sinh năm 1968. Cư trú tại: Khóm Y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của bà Trần Hồng U thể hiện:* Vào ngày 29/6/2015 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Quách Tuyết V vay số tiền 10.000.000 đồng, khi mượn ông T làm biên nhận và thỏa thuận khi cần thì bà U sẽ yêu cầu ông T, bà V trả lại. Sau đó, bà U đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông T, bà V không thực hiện nên bà yêu cầu ông T, bà V trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

* *Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Quách Tuyết V:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến địa phương nơi ông T, bà V cư trú để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và

các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của bà U nhưng do các đương sự không có mặt tại địa phương nên không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết các văn bản này theo quy định của pháp luật nhưng ông T, bà V không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn T, bà Quách Tuyết V không còn cư trú tại địa chỉ mà bà Trần Hồng U cung cấp nên Tòa án không trực tiếp tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc ông T, bà V thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho bà U biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Bà U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T, bà V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Theo biên nhận ngày 29/6/2015 âm lịch thì ông T vay (hỏi) của bà U số tiền 10.000.000 đồng. Do ông T, bà V là vợ chồng nên bà U đã khởi kiện ông T, bà V trả lại số tiền trên. Ông T, bà V không có ý kiến gì về nội dung bà U đã khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo xác nhận của ông Lê Phước L, Trưởng khóm Y, thị trấn Đ thể hiện: Khi bà U có yêu cầu đến địa phương giải quyết thì ông L có đến nhà ông T, bà V nhưng không gặp nên có liên hệ qua điện thoại thì bà V thừa nhận có thiếu số tiền 10.000.000 đồng.

Từ những chứng cứ trên cho thấy, ông T, bà V vay của bà U 10.000.000 đồng là thực tế có xảy ra nên yêu cầu của bà U là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà V phải chịu là: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng U.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Quách Tuyết V trả cho bà U số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà U cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Quách Tuyết V phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Bà Trần Hồng U không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà U số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008921 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Càn